

**BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA HĐND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
VỀ CHỦ TRƯỞNG SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

(Kèm theo Báo cáo số *M8* /BC-UBND ngày *24*/4/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
I	Thành phố Đồng Xoài	22	21	95.45	21	100	0	0
1	Xã Tân Thành	25	22	88.00	22	100	0	0
2	Phường Tiến Thành	17	17	100.00	17	100	0	0
3	Phường Tân Phú	22	21	95.45	21	100	0	0
4	Phường Tân Bình	18	16	88.89	16	100	0	0
5	Phường Tân Đồng	18	18	100.00	18	100	0	0
6	Phường Tân Thiện	17	17	100.00	17	100	0	0
7	Phường Tân Xuân	16	14	87.50	14	100	0	0
8	Xã Tiến Hưng	25	23	92.00	23	100	0	0
II	Thị xã Phước Long	29	28	96.55	28	100	0	0
1	Phường Long Thủy	19	19	100.00	19	100	0	0
2	Phường Thác Mơ	20	19	95.00	19	100	0	0
3	Phường Sơn Giang	20	19	95.00	19	100	0	0
4	Xã Phước Tín	17	15	88.24	15	100	0	0
5	Xã Long Giang	21	20	95.24	20	100	0	0
6	Phường Long Phước	19	16	84.21	16	100	0	0
7	Phường Phước Bình	23	22	95.65	22	100	0	0
III	Thị xã Bình Long	29	24	82.76	24	100	0	0
1	Phường Hưng Chiến	20	20	100.00	20	100	0	0
2	Phường An Lộc	20	19	95.00	19	100	0	0
3	Phường Phú Đức	17	14	82.35	14	100	0	0
4	Phường Phú Thịnh	17	14	82.35	14	100	0	0
5	Xã Thanh Phú	22	22	100.00	22	100	0	0
6	Xã Thanh Lương	26	25	96.15	25	100	0	0
III	Thị xã Chơn Thành	27	24	88.89	24	100	0	0
1	Phường Hưng Long	27	24	88.89	24	100	0	0
2	Phường Minh Hưng	25	24	96.00	24	100	0	0
3	Phường Minh Thành	24	23	95.83	23	100	0	0
4	Phường Thành Tâm	21	19	90.48	19	100	0	0

STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
5	Phường Minh Long	22	22	100.00	22	100	0	0
6	Xã Minh Lập	22	18	81.82	18	100	0	0
7	Xã Minh Thắng	23	23	100.00	23	100	0	0
8	Xã Nha Bích	23	23	100.00	23	100	0	0
9	Xã Quang Minh	23	21	91.30	21	100	0	0
V	Huyện Hớn Quản	25	24	96.00	24	100	0	0
1	Xã Phước An	24	20	83.33	20	100	0	0
2	Xã Tân Lợi	23	23	100.00	23	100	0	0
3	Xã Tân Quan	23	23	100.00	23	100	0	0
4	Thị trấn Tân Khai	22	19	86.36	19	100	0	0
5	Xã An Phú	19	16	84.21	16	100	0	0
6	Xã Minh Tâm	20	19	95.00	19	100	0	0
7	Xã Minh Đức	22	20	90.91	20	100	0	0
8	Xã Thanh Bình	22	19	86.36	19	100	0	0
9	Xã Tân Hưng	29	27	93.10	27	100	0	0
10	Xã An Khương	22	21	95.45	21	100	0	0
11	Xã Thanh An	26	24	92.31	19	79.167	5	20.83
12	Xã Đồng Nơ	18	18	100.00	18	100	0	0
13	Xã Tân Hiệp	26	25	96.15	25	100	0	0
VI	Huyện Lộc Ninh	35	29	82.86	29	100	0	0
1	Thị trấn Lộc Ninh	24	20	83.33	20	100	0	0
2	Xã Lộc Thuận	23	22	95.65	22	100	0	0
3	Xã Lộc Thạnh	20	20	100.00	20	100	0	0
4	Xã Lộc Thành	25	24	96.00	24	100	0	0
5	Xã Lộc Phú	22	21	95.45	21	100	0	0
6	Xã Lộc Hưng	25	25	100.00	25	100	0	0
7	Xã Lộc Thái	21	18	85.71	18	100	0	0
8	Xã Lộc Khánh	23	18	78.26	18	100	0	0
9	Xã Lộc Điền	23	21	91.30	18	85.71	3	14.29
10	Xã Lộc Thiện	24	22	91.67	22	100	0	0
11	Xã Lộc Hòa	22	22	100.00	22	100	0	0
12	Xã Lộc Thịnh	18	18	100.00	18	100	0	0
13	Xã Lộc Hiệp	23	22	95.65	22	100	0	0
14	Xã Lộc Tấn	25	23	92.00	23	100	0	0
15	Xã Lộc Quang	22	19	86.36	19	100	0	0
VII	Huyện Bù Đốp	25	24	96.00	24	100	0	0
1	Xã Thanh Hòa	21	18	85.71	18	100	0	0
2	Xã Thiện Hưng	25	24	96.00	24	100	0	0
3	Thị trấn Thanh Bình	24	21	87.50	21	100	0	0
4	Xã Tân Tiến	25	23	92.00	23	100	0	0

STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
5	Xã Tân Thành	24	23	95.83	23	100	0	0
6	Xã Lộc An	23	21	91.30	21	100	0	0
7	Xã Hưng Phước	19	19	100.00	19	100	0	0
8	Xã Phước Thiện	15	14	93.33	14	100	0	0
VIII	Huyện Bù Gia Mập	25	22	88.00	22	100	0	0
1	Xã Bù Gia Mập	21	21	100.00	21	100	0	0
2	Xã Đắk Ô	28	26	92.86	26	100	0	0
3	Xã Phú Nghĩa	26	23	88.46	23	100	0	0
4	Xã Phú Văn	22	20	90.91	20	100	0	0
5	Xã Đức Hạnh	17	16	94.12	16	100	0	0
6	Xã Đa Kia	24	22	91.67	22	100	0	0
7	Xã Bình Thắng	25	23	92.00	23	100	0	0
8	Xã Phước Minh	19	19	100.00	19	100	0	0
XIX	Huyện Phú Riềng	31	30	96.77	30	100	0	0
1	Xã Phú Trung	20	20	100.00	20	100	0	0
2	Xã Phú Riềng	26	24	92.31	24	100	0	0
3	Xã Long Tân	23	22	95.65	22	100	0	0
4	Xã Bù Nho	25	25	100.00	25	100	0	0
5	Xã Long Hà	27	24	88.89	24	100	0	0
6	Xã Long Bình	23	23	100.00	23	100	0	0
7	Xã Bình Tân	19	18	94.74	18	100	0	0
8	Xã Bình Sơn	19	16	84.21	16	100	0	0
9	Xã Phước Tân	23	22	95.65	22	100	0	0
10	Xã Long Hưng	23	22	95.65	22	100	0	0
X	Huyện Đồng Phú	26	25	96.15	25	100	0	0
1	Thị trấn Tân Phú	28	24	85.71	24	100	0	0
2	Xã Tân Lập	26	26	100.00	26	100	0	0
3	Xã Tân Tiến	24	22	91.67	22	100	0	0
4	Xã Tân Hòa	19	14	73.68	14	100	0	0
5	Xã Tân Hưng	23	21	91.30	20	95.24	1	4.76
6	Xã Tân Lợi	18	17	94.44	17	100	0	0
7	Xã Tân Phước	21	19	90.48	19	100	0	0
8	Xã Đồng Tâm	24	20	83.33	20	100	0	0
9	Xã Đồng Tiến	27	26	96.30	26	100	0	0
10	Xã Thuận Phú	25	25	100.00	25	100	0	0
11	Xã Thuận Lợi	25	23	92.00	23	100	0	0
XI	Huyện Bù Đăng	30	30	100.00	30	100	0	0
1	Thị trấn Đức Phong	23	20	86.96	20	100	0	0
2	Xã Đoàn Kết	18	18	100.00	18	100	0	0
3	Xã Minh Hưng	26	25	96.15	25	100	0	0



STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
4	Xã Phước Sơn	18	17	94.44	17	100	0	0
5	Xã Thống Nhất	26	25	96.15	25	100	0	0
6	Xã Đăng Hà	19	19	100.00	19	100	0	0
7	Xã Phú Sơn	20	19	95.00	19	100	0	0
8	Xã Thọ Sơn	17	17	100.00	17	100	0	0
9	Xã Đồng Nai	20	17	85.00	17	100	0	0
10	Xã Bình Minh	24	22	91.67	22	100	0	0
11	Xã Bom Bo	23	21	91.30	21	100	0	0
12	Xã Đường 10	19	17	89.47	17	100	0	0
13	Xã Đak Nhau	24	20	83.33	20	100	0	0
14	Xã Đức Liễu	26	23	88.46	23	100	0	0
15	Xã Nghĩa Bình	19	19	100.00	19	100	0	0
16	Xã Nghĩa Trung	25	23	92.00	23	100	0	0



**BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA HĐND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ
VỀ CHỦ TRƯỞNG SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

(Kèm theo Báo cáo số *18* /BC-UBND ngày *24* /4/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
I	Thành phố Đồng Xoài	22	21	95.45	21	100	0	0
1	Phường Tiến Thành	17	17	100.00	17	100	0	0
2	Xã Tân Thành	25	22	88.00	22	100	0	0
3	Phường Tân Phú	22	21	95.45	21	100	0	0
4	Phường Tân Đồng	18	18	100.00	18	100	0	0
5	Phường Tân Thiện	17	17	100.00	17	100	0	0
6	Phường Tân Bình	18	16	88.89	16	100	0	0
7	Phường Tân Xuân	16	14	87.50	14	100	0	0
8	Xã Tiến Hưng	25	23	92.00	23	100	0	0
II	Thị xã Bình Long	29	24	82.76	24	100	0	0
1	Phường Hưng Chiến	20	20	100.00	20	100	0	0
2	Phường An Lộc	20	19	95.00	19	100	0	0
3	Phường Phú Đức	17	14	82.35	14	100	0	0
4	Phường Phú Thịnh	17	14	82.35	14	100	0	0
5	Xã Thanh Phú	22	22	100.00	22	100	0	0
6	Xã Thanh Lương	26	25	96.15	25	100	0	0
III	Thị xã Phước Long	29	28	96.55	28	100	0	0
1	Phường Long Thủy	19	19	100.00	19	100	0	0
2	Phường Thác Mơ	20	19	95.00	19	100	0	0
3	Phường Sơn Giang	20	19	95.00	19	100	0	0
4	Phường Long Phước	17	15	88.24	15	100	0	0
5	Phường Phước Bình	21	20	95.24	20	100	0	0
6	Xã Bình Sơn	19	16	84.21	16	100	0	0
7	Xã Long Giang	23	22	95.65	22	100	0	0
IV	Thị xã Chơn Thành	27	24	88.89	24	100	0	0
1	Phường Hưng Long	27	24	88.89	24	100	0	0
2	Phường Minh Hưng	25	24	96.00	24	100	0	0
3	Phường Minh Thành	24	22	91.67	22	100	0	0
4	Phường Thành Tâm	21	19	90.48	19	100	0	0
5	Phường Minh Long	22	22	100.00	22	100	0	0



STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
6	Xã Minh Lập	22	18	81.82	18	100	0	0
7	Xã Minh Thắng	23	23	100.00	23	100	0	0
8	Xã Nha Bích	23	23	100.00	23	100	0	0
9	Xã Quang Minh	23	21	91.30	21	100	0	0
V	Huyện Hớn Quản	25	24	96.00	24	100	0	0
1	Xã Phước An	24	20	83.33	20	100	0	0
2	Xã Tân Lợi	23	23	100.00	23	100	0	0
3	Xã Tân Quan	23	23	100.00	23	100	0	0
4	Thị trấn Tân Khai	22	19	86.36	19	100	0	0
5	Xã An Phú	19	16	84.21	16	100	0	0
6	Xã Minh Tâm	20	19	95.00	19	100	0	0
7	Xã Minh Đức	22	20	90.91	20	100	0	0
8	Xã Thanh Bình	22	19	86.36	19	100	0	0
9	Xã Tân Hưng	29	27	93.10	27	100	0	0
10	Xã An Khương	22	21	95.45	21	100	0	0
11	Xã Thanh An	26	24	92.31	24	100	0	0
12	Xã Đồng Nơ	18	18	100.00	18	100	0	0
13	Xã Tân Hiệp	26	25	96.15	25	100	0	0
VI	Huyện Lộc Ninh	35	29	82.86	29	100	0	0
1	Thị trấn Lộc Ninh	24	20	83.33	20	100	0	0
2	Xã Lộc Thuận	23	22	95.65	22	100	0	0
3	Xã Lộc Thạnh	20	20	100.00	20	100	0	0
4	Xã Lộc Thành	25	24	96.00	24	100	0	0
5	Xã Lộc Phú	22	21	95.45	21	100	0	0
6	Xã Lộc Hưng	25	25	100.00	25	100	0	0
7	Xã Lộc Thái	21	18	85.71	18	100	0	0
8	Xã Lộc Hiệp	23	22	95.65	22	100	0	0
9	Xã Lộc Khánh	23	18	78.26	18	100	0	0
10	Xã Lộc Điền	23	21	91.30	18	85.71	3	14.29
11	Xã Lộc Tấn	25	23	92.00	23	100	0	0
12	Xã Lộc Quang	22	19	86.36	19	100	0	0
13	Xã Lộc Thiện	24	22	91.67	22	100	0	0
14	Xã Lộc Hòa	22	22	100.00	22	100	0	0
15	Xã Lộc Thịnh	18	18	100.00	18	100	0	0
VII	Huyện Bù Đốp	25	24	96.00	24	100	0	0
1	Thị trấn Thanh Bình	24	21	87.50	21	100	0	0
2	Xã Thiện Hưng	25	24	96.00	24	100	0	0
3	Xã Thanh Hòa	21	18	85.71	18	100	0	0
4	Xã Tân Tiến	25	23	92.00	23	100	0	0
5	Xã Tân Thành	24	23	95.83	23	100	0	0



STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
6	Xã Lộc An	23	21	91.30	21	100	0	0
7	Xã Hưng Phước	19	19	100.00	19	100	0	0
8	Xã Phước Thiện	15	14	93.33	14	100	0	0
VIII	Huyện Bù Gia Mập	25	22	88.00	22	100	0	0
1	Xã Bù Gia Mập	21	21	100.00	21	100	0	0
2	Xã Đăk Ô	28	26	92.86	26	100	0	0
3	Xã Phú Nghĩa	26	23	88.46	23	100	0	0
4	Xã Phú Văn	22	20	90.91	20	100	0	0
5	Xã Đức Hạnh	17	16	94.12	16	100	0	0
6	Xã Đa Kia	24	22	91.67	22	100	0	0
7	Xã Bình Thắng	25	23	92.00	23	100	0	0
8	Xã Phước Minh	19	19	100.00	19	100	0	0
XIX	Huyện Phú Riềng	31	30	96.77	30	100	0	0
1	Xã Phú Trung	20	20	100.00	20	100	0	0
2	Xã Phú Riềng	26	24	92.31	24	100	0	0
3	Xã Long Tân	23	22	95.65	22	100	0	0
4	Xã Bù Nho	25	25	100.00	25	100	0	0
5	Xã Long Hà	27	24	88.89	24	100	0	0
6	Xã Long Bình	23	23	100.00	23	100	0	0
7	Xã Bình Tân	19	18	94.74	18	100	0	0
8	Xã Bình Sơn	19	16	84.21	16	100	0	0
9	Xã Phước Tân	23	22	95.65	22	100	0	0
10	Xã Long Hưng	23	22	95.65	22	100	0	0
X	Huyện Đồng Phú	26	25	96.15	25	100	0	0
1	Thị trấn Tân Phú	28	24	85.71	24	100	0	0
2	Xã Tân Lập	26	26	100.00	26	100	0	0
3	Xã Tân Tiến	24	22	91.67	22	100	0	0
4	Xã Tân Hòa	19	14	73.68	14	100	0	0
5	Xã Tân Hưng	23	21	91.30	20	95.24	1	4.76
6	Xã Tân Lợi	18	17	94.44	17	100	0	0
7	Xã Tân Phước	21	19	90.48	19	100	0	0
8	Xã Đồng Tâm	24	20	83.33	20	100	0	0
9	Xã Đồng Tiến	27	26	96.30	26	100	0	0
10	Xã Thuận Phú	25	25	100.00	25	100	0	0
11	Xã Thuận Lợi	25	23	92.00	23	100	0	0
XI	Huyện Bù Đăng	30	30	100.00	30	100	0	0
1	Thị trấn Đức Phong	23	20	86.96	20	100	0	0
2	Xã Đoàn Kết	18	18	100.00	18	100	0	0
3	Xã Minh Hưng	26	25	96.15	25	100	0	0
4	Xã Phước Sơn	18	17	94.44	17	100	0	0



STT	Tên đơn vị	Tổng số đại biểu HĐND	Số đại biểu dự họp	Tỷ lệ số đại biểu dự họp (%)	Kết quả biểu quyết (trên tổng số đại biểu dự họp)			
					Số đồng ý	Tỷ lệ (%)	Số không đồng ý	Tỷ lệ (%)
5	Xã Thông Nhất	26	25	96.15	25	100	0	0
6	Xã Đăng Hà	19	19	100.00	19	100	0	0
7	Xã Phú Sơn	20	19	95.00	19	100	0	0
8	Xã Thọ Sơn	17	17	100.00	17	100	0	0
9	Xã Đồng Nai	20	17	85.00	17	100	0	0
10	Xã Bình Minh	24	22	91.67	22	100	0	0
11	Xã Bom Bo	23	21	91.30	21	100	0	0
12	Xã Đường 10	19	17	89.47	17	100	0	0
13	Xã Đak Nhau	24	20	83.33	20	100	0	0
14	Xã Đức Liễu	26	23	88.46	23	100	0	0
15	Xã Nghĩa Bình	19	19	100.00	19	100	0	0
16	Xã Nghĩa Trung	25	23	92.00	23	100	0	0

BÌNH PHƯỚC



**DỰ THẢO ĐÀ SỬA
THEO THẨM TRA CỦA
BAN PHÁP CHẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc tán thành chủ trương
sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Thực hiện Kế hoạch số 362-KH/TU ngày 06 tháng 4 năm 2025 của Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Nghị quyết tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Điều 1. Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cụ thể: Sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Nai, trung tâm hành chính – chính trị đặt tại thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phối hợp UBND tỉnh Đồng Nai hoàn thiện hồ sơ, Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 23 (Chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Nội vụ;
- TTTU, TT. HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước (05 bản);
- LĐVP, Phòng tổng hợp;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: /NQ-HĐND
DỰ THẢO ĐÀ SỬA
THEO THẨM TRA CỦA
BAN PHÁP CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Phước

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Thực hiện Kế hoạch số 362-KH/TU ngày 06 tháng 4 năm 2025 của Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Nghị quyết tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Phước.

Điều 1. Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Phước như sau:

Trên cơ sở 111 ĐVHC cấp xã hiện nay (gồm 86 xã, 20 phường, 05 thị trấn), sắp xếp lại thành 40 ĐVHC cấp xã, gồm:

1. Thành lập phường Minh Hưng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm phường Minh Long, phường Minh Hưng thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Minh Hưng.

2. Thành lập phường Chơn Thành trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm phường Hưng Long, phường Thành Tâm và phường Minh Thành thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành.

3. Thành lập xã Nha Bích trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Nha Bích, xã Minh Thắng và xã Minh Lập thuộc thị xã Chơn Thành. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Minh Thắng.

4. Thành lập xã Tân Quan trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm xã Quang Minh thuộc thị xã Chơn Thành và xã Tân Quan, xã Phước An, Tân Lợi thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Phước An.

5. Thành lập xã Tân Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Tân Hưng, xã An Khương và xã Thanh An thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Hưng.

6. Thành lập xã Tân Khai trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm thị trấn Tân Khai, xã Đồng Nơ và xã Tân Hiệp thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Hớn Quản.

7. Thành lập xã Minh Đức trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã An Phú, xã Minh Tâm và xã Minh Đức thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Minh Tâm.

8. Thành lập phường Bình Long trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm phường An Lộc, phường Hưng Chiến, phường Phú Đức thuộc thị xã Bình Long và xã Thanh Bình thuộc huyện Hớn Quản. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Bình Long.

9. Thành lập phường An Lộc trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm phường Phú Thịnh, xã Thanh Phú và xã Thanh Lương thuộc thị xã Bình Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thanh Phú.

10. Thành lập xã Lộc Thành trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Thành và xã Lộc Thịnh thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Thành.

11. Thành lập xã Lộc Ninh trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm thị trấn Lộc Ninh, xã Lộc Thái, xã Lộc Thuận thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Lộc Ninh.

12. Thành lập xã Lộc Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Hưng, xã Lộc Điền và xã Lộc Khánh thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Hưng.

13. Thành lập xã Lộc Tấn trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Tấn và xã Lộc Thiện thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Tấn.

14. Thành lập xã Lộc Thạnh trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Hòa và xã Lộc Thạnh thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Thạnh.

15. Thành lập xã Lộc Quang trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc Quang, xã Lộc Phú và xã Lộc Hiệp thuộc huyện Lộc Ninh. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Lộc Phú.

16. Thành lập xã Tân Tiến trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Lộc An thuộc huyện Lộc Ninh và xã Tân Tiến, xã Tân Thành thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Thành.

17. Thành lập xã Thiện Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Thanh Hòa, thị trấn Thanh Bình và xã Thiện Hưng thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Đốp.

18. Thành lập xã Hưng Phước trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Hưng Phước và xã Phước Thiện thuộc huyện Bù Đốp. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Hưng Phước.

19. Thành lập xã Bù Gia Mập trên cơ sở nguyên trạng xã Bù Gia Mập thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bù Gia Mập.

20. Thành lập xã Đăk Ô trên cơ sở nguyên trạng xã Đăk Ô thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đăk Ô.

21. Thành lập xã Phú Nghĩa trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phú Nghĩa, xã Phú Văn và xã Đức Hạnh thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập.

22. Thành lập xã Đa Kia trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Phước Minh, xã Đa Kia và xã Bình Thắng thuộc huyện Bù Gia Mập. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đa Kia.

23. Thành lập phường Phước Bình trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm xã Bình Sơn thuộc huyện Phú Riềng và xã Long Giang, phường Long Phước, phường Phước Bình thuộc thị xã Phước Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thị xã Phước Long.

24. Thành lập phường Phước Long trên cơ sở nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm phường Long Thủy, phường Thác Mơ, phường Sơn Giang và xã Phước Tín thuộc thị xã Phước Long. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Long Thủy.

25. Thành lập xã Long Hưng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Long Bình, xã Long Hưng và xã Bình Tân thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Long Hưng.

26. Thành lập xã Long Hà trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Long Hà và xã Long Tân thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Long Hà.

27. Thành lập xã Phú Riềng trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Bù Nho và xã Phú Riềng thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng

28. Thành lập xã Phú Trung trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Phước Tân và xã Phú Trung thuộc huyện Phú Riềng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Phú Trung.

29. Thành lập phường Đồng Xoài trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Tân Thành và phường Tiến Thành thuộc thành phố Đồng Xoài. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: phường Tiến Thành.

30. Thành lập phường Bình Phước trên cơ sở nhập 06 ĐVHC cấp xã gồm phường Tân Phú, phường Tân Đồng, phường Tân Thiện, phường Tân Bình, phường Tân Xuân và xã Tiến Hưng thuộc thành phố Đồng Xoài. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính thành phố Đồng Xoài.

31. Thành lập xã Thuận Lợi trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Thuận Phú và xã Thuận Lợi thuộc huyện Đồng Phú. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thuận Phú.

32. Thành lập xã Đồng Tâm trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đồng Tâm, xã Đồng Tiến và xã Tân Phước thuộc huyện Đồng Phú. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đồng Tiến

33. Thành lập xã Tân Lợi trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Tân Lợi, xã Tân Hưng và xã Tân Hòa thuộc huyện Đồng Phú. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Lợi.

34. Thành lập xã Đồng Phú trên cơ sở 03 ĐVHC cấp xã gồm thị trấn Tân Phú, xã Tân Tiến và xã Tân Lập thuộc huyện Đồng Phú. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Đồng Phú.

35. Thành lập xã Phước Sơn trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đăng Hà, xã Thống Nhất và xã Phước Sơn thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thống Nhất.

36. Thành lập xã Nghĩa Trung trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đức Liễu, xã Nghĩa Bình và xã Nghĩa Trung thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đức Liễu.

37. Thành lập xã Bù Đăng trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đoàn Kết, thị trấn Đức Phong và xã Minh Hưng thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính huyện Bù Đăng.

38. Thành lập xã Thọ Sơn trên cơ sở nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm xã Đồng Nai, xã Phú Sơn và xã Thọ Sơn thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thọ Sơn.

39. Thành lập xã Đak Nhau trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Đường 10 và xã Đak Nhau thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Đak Nhau.

40. Thành lập xã Bom Bo trên cơ sở nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm xã Bom Bo và xã Bình Minh thuộc huyện Bù Đăng. Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bom Bo.

Sau khi sắp xếp, tỉnh Bình Phước còn **40** ĐVHC cấp xã (gồm 08 phường, 32 xã); giảm **71** ĐVHC cấp xã (12 phường, 54 xã, 05 thị trấn).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Phước trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 23 (Chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Nội vụ
- TTTU, TT. HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Sở Nội vụ (5 bản);
- LĐVP, Phòng tổng hợp;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH